

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Khoa Học Trái Đất-Mỏ; Chuyên ngành: Khoa Học Trái Đất

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đặng Trường An

2. Ngày tháng năm sinh: 28/02/1978; Nam ☒; Nữ ☐ Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: Xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 241/6 Nguyễn Bình, Phú Xuân, Nhà Bè, TP. HCM

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Vật Lý – Vật Lý Kỹ Thuật, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (KHTN), 227 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Q.5, TP.HCM

Điện thoại di động: 0909719878; E-mail: dtan@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 04, năm 2002 đến tháng 03, năm 2008: trợ giảng tại Khoa Vật Lý-Vật Lý Kỹ Thuật, Trường ĐH KHTN, Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Từ tháng 04, năm 2009 đến tháng 03, năm 2021: giảng viên tại Khoa Vật Lý-Vật Lý Kỹ Thuật, Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM;

Từ tháng 04, năm 2021 đến nay: giảng viên chính tại Khoa Vật Lý-Vật Lý Kỹ Thuật, Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM.

Chức vụ: Hiện nay:; Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại Học Khoa Học Tự Nhiên, Đại Học Quốc Gia-TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 227 Nguyễn Văn Cừ, P.4, Q.5, TP.HCM

Điện thoại cơ quan: 028 3835 8463

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 08/4/2002, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý Địa cầu

Nơi cấp bằng ĐH: Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 12/5/2008, ngành: Hải Dương Học

Nơi cấp bằng ThS: Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 21/2/2014, ngành: Kỹ thuật Công trình, chuyên ngành: Thủy lực

Nơi cấp bằng TS: Đại học Quốc gia Gangneung-Wonju, Hàn Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày... tháng ... năm ... , ngành:.....

11. Đăng ký đạt xét tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS liên ngành: Khoa Học Trái Đất-Mỏ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

+ Ứng dụng và phát triển mô hình thủy động lực-hình thái sông

+ Khí hậu-khí tượng nông nghiệp.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH, trong đó chủ nhiệm 03 đề tài (02 đề tài cấp cơ sở và 01 đề tài cấp ĐHQG-HCM loại C) và tham gia 02 đề tài cấp ĐHQG-HCM loại C.

- Đã công bố 25 bài báo KH, trong đó 16 bài báo đăng trên các hội nghị và tạp chí quốc tế

- Số lượng sách đã xuất bản 01 thuộc nhà xuất bản ĐHQG-HCM;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen ĐHQG-HCM các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020

- Chiến sĩ thi đua cấp ĐHQG-HCM năm học 2018-2019

- Giấy khen Trường ĐH KHTN năm 2015-2016

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, khách quan và trách nhiệm;

- Trình độ chuyên môn vững vàng và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy được giao;

- Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của giảng viên, luôn giữ gìn uy tín của nhà giáo, tôn trọng người học cũng như đồng nghiệp;

- Thường xuyên học tập, bồi dưỡng kiến thức và nâng cao trình độ chuyên môn.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 10 năm (từ 2008 đến nay, không tính thời gian 03 năm học tập ở nước ngoài).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
2	2015-2016				05	359	30	389/455.02/270
3	2016-2017			02	05	486	30	516/592.92/270
3	2017-2018			01	05	378.5	30	408.5/614.85/270
03 năm học cuối								
4	2018-2019			01	04	301	35	336/398.26/270
5	2019-2020				03	266	30	296/319.02/270
6	2020-2021			02	03	303.5	15	318.5/336.78/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận án TS ☒ tại Hàn Quốc năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp :.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ :.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Huỳnh Thị Mỹ Linh		X	X		2016-2017	ĐH KHTN	04/05/2018
2	Phan Thị Diễm Quý		X	X		2016-2017	ĐH KHTN	28/02/2020
3	Nguyễn Thị Kim Thảo		X		X	2018-2019	ĐH KHTN	28/02/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Vận chuyển trầm tích	GT	ĐHQG TP.HCM- Năm 2017	01	Chủ biên	1-170	320/QĐ-ĐHQG TP.HCM

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [] ,.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	<i>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</i>				
1	Ứng dụng mô hình số trị Mike 21C tính toán chế độ dòng chảy sông Hậu đoạn chảy qua thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang	Chủ nhiệm	T2008-26 Cơ sở	03/2008- 03/2009	06/03/2010 Xếp loại: Xuất sắc
2	Nghiên cứu diễn biến hạn kiệt khu vực tứ giác Long Xuyên	Chủ nhiệm	T2009-66 Cơ sở	02/2009- 02/2010	06/03/2010 Xếp loại: Tốt
3	Ảnh hưởng và tác động của chuyển động sóng lên vùng rừng ngập mặn ven bờ trên sông Đồng Tranh thuộc khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ Tp. HCM	Tham gia	B2008-18-14 Cấp ĐHQG Tp.HCM (Loại C)	06/2008- 06/2009	26/07/2011 Xếp loại: Khá
4	Nghiên cứu chế độ động lực trầm tích trong rừng ngập mặn Cần Giờ (khu vực Nàng Hai, Tp. Hồ Chí Minh)	Tham gia	B2009-18-36 Cấp ĐHQG Tp.HCM (Loại C)	03/2009- 03/2010	26/07/2011 Xếp loại: Khá
II	<i>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</i>				
1	Tính toán nhu cầu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực đồng bằng sông Cửu Long dưới ảnh hưởng của biến đổi khí hậu	Chủ nhiệm	C2018-18-05 Cấp ĐHQG Tp.HCM (Loại C)	04/2018- 10/2019	03/10/2019 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học /ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: 06 bài báo (trong đó: 04 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và 02 bài đăng tại hội nghị quốc tế có phản biện)							
1	Computation of wave field in the Đông Tranh estuary, Can Gio by using wave refraction model	4	Tham gia	Tạp chí Địa chất ISSN: 1859-0659		0	Số 31-32	2008
2	Concentration of suspended sediments in mangrove forests	4	Tham gia	Tạp chí Địa chất ISSN: 1859-0659		0	Số 31-32	2008
3	Khảo sát sự thay đổi địa hình đáy tại khu vực rừng ngập mặn Nàng Hai, Cần Giờ (Tp. Hồ Chí Minh)	5	Tham gia	Tạp chí Các Khoa học về Trái Đất ISSN: 0886-7187	ESCI Scopus	2	Vol.31 No.4 385-389	2009
4	Vai trò của rừng ngập mặn trong quản lý đới bờ	2	Tham gia	Tạp chí Các Khoa học về Trái Đất ISSN: 0886-7187	ESCI Scopus	0	Vol. 32 No. 1 87-90	2010
5	Numerical modeling of riverbed variation in open channels	4	Tác giả chính	Hội nghị Quốc tế Proceedings of 2013 IAHR World Congress ISBN: 978-1-62993-814-1		0	Vol.10 1-10	2013
6	Applicability of superelevation formulas in mountainous rivers	4	Tham gia	2013 Civil Expo & Conference		0	Vol.10 No. 2 2011-2014	2013
II	Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ: 19 bài báo (trong đó: 05 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước và 14 bài đăng trên các tạp chí quốc tế)							
1	Establishment of irrigation schedule for rice cropping seasons in the Long Xuyen quadrangle, Vietnam using Cropwat model	1	Tác giả chính	Indian journal of agricultural research ISSN: 0367-8245 0976-058X	Scopus Q3	0	Vol.52 No.4 448-451	2018
2	Combining rainfall-runoff and hydrodynamic models for simulating flow under the impact of climate	3	Tác giả chính	Paddy and Water Environment ISSN: 1611-2490	SCIE, Q2 IF: 1.262	3	16, 457-465	2018

	change to the lower Sai Gon-Dong Nai River basin			1611-2504				
3	Application of AquaCrop model to predict sugarcane yield under the climate change impact: A case study of Son Hoa district, Phu Yen province in Vietnam	2	Tác giả chính	Res. on Crops ISSN: 0972-3226	Scopus Q3	4	19 (2) 310-314	2018
4	Experimental investigation and numerical simulation of morphological changes in natural channel bend	2	Tham gia	Journal of applied fluid mechanics ISSN: 1735-3645 17353-572	SCIE, Q2 IF: 1.405	2	Vol. 11 No. 3 721-731	2018
5	Precipitation variability and trends over the Mekong Delta area of Vietnam	2	Tác giả chính	Journal of Agrometeorology ISSN: 0972-1665	Scopus Q3	2	Vol.21 No.2 217-219	2019
6	Investigation of shear stress distribution in a 90-degree channel bend	3	Tác giả chính	Int. J. of Applied Mechanics and Engineering ISSN: 2353-9003 1734-4492	Scopus Q3	4	Vol.24 No.1, 213-220	2019
7	Comparison of drought indices (SPI and RDI) Mekong Delta area of Vietnam	2	Tác giả chính	Journal of Agrometeorology ISSN: 0972-1665	Scopus Q3	0	Vol.21 No. 2 213-216	2019
8	Calibration and validation of the FAO-AquaCrop Model for cassava in the Dong Xuan cultivation area of Phu Yen province using irrigation rainfall	2	Tác giả chính	Res. on Crops ISSN: 0972-3226	Scopus Q3	1	Vol.20 No.3 555-562	2019
9	Assessment of improving irrigation efficiency for tomatoes planted in greenhouses in Lam Dong Province, Vietnam	3	Tác giả chính	Journal of Agrometeorology ISSN: 0972-1665	Scopus Q3	1	Vol.22 No.1 52-55	2020
10	Assessing the effectiveness of drip irrigation combined with agricultural mulches on the performance of tomato (Lycopersicon sculentum) under water constraint conditions of Lam Dong Province, Vietnam	1	Tác giả chính	Res. on Crops ISSN: 0972-3226	Scopus Q3	1	Vol.21 No.4 712-718	2020
11	Simulating rainfall IDF curve for flood warnings in the Ca Mau coastal area	1	Tác giả chính	International Journal of Climate Change Strategies	SSCI, Q1 IF: 2.645	2	Vol.12 No.5	2020

	under the impacts of climate change			and Management ISSN: 1756-8692			705-715	
12	Assessment of efficient crop planting calendar for cassava crops using the FAO-Aqua crop model	2	Tác giả chính	Journal of agrometeorology ISSN: 0972-1665	Scopus Q3	0	Vol.22 No.1 83-85	2020
13	Khả năng áp dụng các công thức bán thực nghiệm trầm tích đáy cho lưu vực sông có địa hình đáy dốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN: 2525 - 2208		0	726, 30-40	2021
14	Đánh giá diễn biến hình thái của sông Cổ Chiên dựa trên sự kết hợp mô hình hóa và phân tích ảnh viễn thám	2	Tham gia	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN: 2525 - 2208		0	726 41-51	2021
15	Grain yield optimisation in the Plain of Reeds in the context of climate variability	1	Tác giả chính	Revista Brasileira de Engenharia Agrícola e Ambiental ISSN: 1807-1929	SCIE, Q2 IF: 0.997	2	Vol.25 No.9 591-596	2021
16	Áp dụng thử nghiệm phần mềm mã nguồn mở OpenFOAM mô phỏng lũ bùn đá	1	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN: 2525 - 2208		0	726, 52-60	2021
17	Xây dựng mô hình số mô phỏng biến đổi hình thái sông có địa hình đáy dốc	1	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN: 2525 - 2208		0	727, 82-94	2021
18	Xây dựng đường cong cường độ-thời đoạn-tần suất mưa hướng đến thiết lập bản đồ ngập lụt cho khu vực bán đảo Cà Mau	2	Tác giả chính	Tạp chí Khí tượng thủy văn ISSN: 2525 - 2208		0	727, 33-43	2021
19	Utilizing rainfed supply and irrigation as a climate variability adaptation solution for coastal lowland areas in Vietnam	3	Tác giả chính	Agriculture and natural resources ISSN: 2452-316X	Scopus Q2	0	Vol.55 No.4 485-495	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu : ...

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. HCM, ngày 01 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đặng Trường An